

*Tản mạn tháng tư * Âu tím –Nhu Hoa*

Đã qua Tết, ngày rằm rồi còn gì! Ông trăng đến sáng bạch vẫn còn treo trước khung cửa sổ. Đi làm ở Mỹ sau Giáng Sinh – Tết Tây, chẳng còn ngày nghỉ nào nữa – Sinh nhật Tổng Thống chỉ có các cơ quan công quyền, nhà trường là được nghỉ, các văn phòng, hãng xưởng của tư nhân phải đợi đến tháng 5 mới có ngày nghỉ lễ Lao Động. Trước tháng 5 là tháng 4, ngày cuối tháng 4 cộng đồng Việt Nam luôn có những chương trình tưởng niệm nỗi đau mất nước, lưu vong xa xứ, các bài hát các chuyện kể lại được nhắc đến, còn có bao nhiêu ngày nữa mới đến 30 tháng 4 mà đêm qua tôi lại nằm mơ một giấc mơ kỳ lạ.

Trong giấc mơ, tôi thấy hình ảnh quá khứ trộn lẫn với hiện tại, California và Sài Gòn của tôi dập diu trên những con đường tôi đã đi qua: Tú Xương, Yên Đổ, Hùng Vương, Phan Đình Phùng, Trần Quốc Toản, những góc cạnh lạ lùng xưa cũ ấy có vương vất những hình ảnh của Calaveras BLVD – South Park Victoria – Free way 680 – 101 và cả con đường số 5 tôi hay đi xuống Orange County nơi được gọi là Thủ Đô Tị Nạn.

Đã bao nhiêu năm tôi tị nạn tại Mỹ? 1990 – 2016 tôi vẫn tưởng như chưa từng có ngày tôi xa quê cha đất tổ, chưa từng bao giờ tôi lìa chiếc nôi đã mang tôi vào đời với tiếng

khóc oa oa. Trong giấc mơ kỳ lạ ấy tôi thấy cô giám thị hiền lành nhất trong các cô giám thị trường nữ tổng hợp Sương Nguyệt Anh, nơi tôi học cho đến ngày cuối tháng 4 năm 1975. Tôi đã hát và các bạn tôi đã khóc trong một góc phòng học sau ngày 30 tháng 4, khi chúng tôi cùng trở lại trường xem người nào còn, kẻ nào đã mất, mất vì lên tàu bay lên tàu thủy không đau lòng bằng mất vì cô bạn xưa mặc bộ đồ bà ba đen quần khắn rần đội nón tai bèo vào trường kêu gọi các bạn “tự giác” gia nhập đoàn này đảng nọ. Cũng nụ cười đó, cũng khuôn mặt đó mà sao cảm giác lạnh sống lưng vẫn còn y như ngày cũ lúc này khi tôi đang ngồi ghi lại.

Bài tôi hát chỉ vài câu thôi:

Muốn nói thêm đôi câu, trước phút giây từ giã, sân trường còn ai đâu? Những bước chân xa lạ!

Muốn khắc ghi hôm nay, bao yêu thương vội vã, sân trường phượng hoa lay, mất nhau trong mùa Hạ.

Này bạn bè yêu dấu, tìm ta quá xôn xao, nếu mất nhau một ngày ta e hôn bay cao.

Này bạn bè yêu dấu cả đời còn thương nhau, nếu mất nhau dài lâu nhớ nhau hoài mai sau.

Ca từ ngô nghê, nhưng lúc ấy diễn tả đúng nỗi lòng của chúng tôi, các cô nữ sinh ngỡ ngàng không biết đời mình sẽ đi đâu, về đâu vì bản án “Con của Ngụy!”

Dấu đỏ gạch chéo trên tờ đơn xin nhập vào trường đại học Khoa Học là chứng chỉ cho tôi nói riêng và cho nhiều bạn trẻ miền Nam cùng trang lứa, các bạn cùng thời lận đận gia nhập trường đời, buồn chui bán lậu ở cái tuổi đáng lẽ còn được tiếp tục đến trường. Cả đoạn phim dài cuộc đời tôi đã trải qua không ngắn, vì nó liên đới cùng các đoạn phim của các quân binh chủng, Cha – Chú – Cô – Di – Cậu của tôi bị đày bị tù “cải tạo”. Cha tôi chết trong trại, Dượng tôi bị bắn ngay cổng rào của trại khi ông lững thững bước ra không ngừng lại theo lệnh của bộ đội gác tù!

Những giấc mơ kỳ lạ nhắc tôi những thời đã qua – còn lại trong tôi ngậm ngùi nhưng không thấm thiết, tôi đang sống rất hạnh phúc nơi tôi chấp nhận là quê hương thứ hai của mình, có bao ân tình từ ngày tôi xuống sân bay San Francisco...

Với Khóa 26, tôi nhớ anh Hà Tấn Diên, người đã khiến tôi khóc thương tiếc nhớ rất lâu, đến bây giờ nỗi ngậm ngùi đã vơi theo cây mận mang tên anh. Cây mận ngọt đẹp ấy đã được tôi hái mang theo mời tất cả các anh chị trong các buổi họp dã ngoại hè Võ Bị Bắc California bao nhiêu lần, mỗi lần như thế tôi lại nhắc đến anh Diên. Mới sang Mỹ được anh dẫn đi hái trái cây trong vườn Brentwood, sau đó tôi ươm cây từ hạt của trái mình đã hái mang về. Sau khi anh mất, cây mận mang tên anh cho đến tháng 9 năm 2015, Nhà Tôi bắt buộc phải cưa đi vì rễ vì hạn hán và vì cây đã quá già cỗi.



Trong gia đình Võ Bị Đà Lạt, tôi nhớ những ngày Tết Niên – Tân Niên và Đại Hội lần đầu tiên tôi được tham dự, khi tôi được hát bài Quốc Ca khi tôi được cùng các chị chuẩn bị thức ăn, tập hợp ca hát và mặc màu áo xanh đồng phục trong đoàn Phụ Nữ Lâm Viên. Chị Chấn, người chị trưởng đoàn ngày xa xưa ấy, dạy tôi bao nhiêu món ngon, tôi “mê” chị vô cùng, đến bây giờ tôi vẫn noi theo gương của chị, dù mệt mỏi thế nào nụ cười của chị luôn nở trên môi. Bài hát Cô Gái Việt làm tình chị em của chúng tôi thấm thiết hơn khi mỗi tuần tôi được đến nhà chị một lần để tập cho ngày đại hội được tổ chức tại San Jose, mỗi lần như thế là tôi được

thường thức chả ốc, bún riêu, và bao nhiêu món ngon khác nữa. Hai mươi năm trôi qua như gió thoảng, trôi theo dòng đời, việc làm, gia đình, sức khỏe và tùy duyên. Bao lần tôi không thể nào cùng họp với các chị, điện thư gửi báo ngày họp không hiểu sao trùng vào những ngày tôi phải đi đâu đó, hay phải xuôi Nam nuôi trông cháu, gặp gỡ các chị luôn vào những lúc ma chay buồn bã. Tôi yêu trang <https://phunulamvien.wordpress.com/> nơi tôi biết bao nhiêu tin tức từ Nguyễn Kim Oanh, Đoàn trưởng. Mỗi lần nhận



điện thư tôi bồi hồi cảm động, tự hào mình cũng còn trong đoàn cho dù tôi không còn có thể hoạt động hăng hái như xưa, đành chấp nhận sự hạn hẹp thời gian và hạn hò tương lai khi “giữ áo từ quan!” - không phải

“sáng lái xe đi tôi lái về!” mà là cuối tuần lên xe đò Hoàng về Los Angeles hết cuối tuần cũng xe đò Hoàng trở lại San Jose.

Với đất nước mới, sau ba tháng đặt chân đến California năm tôi xin vào trường C.C.O.C. (Central County Occupational Center) để học. Tuổi đã không còn trẻ nữa, bỏ học đã lâu, lăn lóc với cuộc sống sau năm 1975, chữ nghĩa thời xưa tàn dần, tính toán buôn bán chợ trời, chợ phụ tùng xe đạp, làm kế toán cho các tổ hợp một cách "gian dối" khiến đầu óc tôi mù đi. Tôi dùng chữ gian dối vì kế toán viên phải vào sổ mỗi ngày trong khi tôi chỉ làm việc đôi ba ngày cuối tháng trước khi phải nộp báo cáo. Ông tổ trưởng và thủ quỹ cho tôi kết

toán của các ông muốn, sau đó tôi truy ra các số chi thu trong bảng đối chiếu biểu, bảng lương con số hoàn toàn không có thật, chỉ cần làm sao được các ông trên quận ký giấy cho rút tiền cất trong ngân hàng...

Việc trở lại trường học là giấc mơ không bao giờ tôi dám nghĩ đến khi còn sống trong “nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam”. Bắt đầu đời sống mới trên đất nước Hoa Kỳ bằng con số không -số không tiền bạc và kiến thức. Tôi học sinh ngữ Anh Pháp, nhưng chỉ đọc viết cho có điểm, học thính thị trong phòng kính của hội Việt Mỹ thì tôi ngồi làm thơ, tôi thù ghét môn học ngoại ngữ vì tôi không thích người thầy dạy tôi môn học ấy, tuổi trẻ luôn có chút "ngu muội." Về nhà, mỗi lần tôi tập đọc vang nhà thì bị Bố của tôi sửa và chê là "sai bét nhè". Xấu hổ tôi không tập nữa. Bố tôi bắt tôi đi học hè trường anh văn Nguyễn Ngọc Linh với bao nhiêu thầy hay cô giỏi, tôi chán ngán buồn ngủ, gàn bướng tuyên bố "Tiếng Việt học chưa hết, sao lại phải học tiếng người ta!"

Có biết phát âm đúng vài câu, chỉ nhờ mê các bài hát tiếng Anh được nghe qua giàn máy Akai máy cassette, 1980 nghe tin có thể được sang Mỹ tôi vào học các lớp sinh ngữ ban đêm với bộ sách Streamline, được chụp lại trên giấy vàng xin hoen ó, các cô giáo thầy giáo dạy học ai cũng dễ thương, chỉ mỗi tôi là dễ ghét, học mãi không thấm vào đâu, cái đầu chứa bộ óc toan tính sao cho có cơm ăn mỗi bữa...

Vậy đó mà tôi thi để xét trình độ có đủ toán 10/10 và English được 8/10 dĩ nhiên a - b - c khoanh giúp cho tôi chọn câu trả lời đúng. Thi vào các lớp dạy nghề quá đơn giản, thi chung với các em học sinh trung học tôi chỉ thua chúng cách phát âm, còn toán và văn phạm tôi hơn là việc đương nhiên, nên nhìn kết quả chẳng có gì đáng hãnh diện, toán trình độ cộng trừ nhân chia, anh văn là chào hỏi là những câu rất "đời thường" chẳng dính dáng chi đến ngành nghề tôi muốn học. Và tôi được nhận vào học chương trình phụ tá nha sĩ - dental assistant. Lớp học này chỉ cần 6 tháng ngắn ngủi, sau đó tôi

có chứng chỉ đã được đào tạo chuyên nghiệp. Trên báo địa phương lúc ấy ngày nào cũng chiếm 4 cột dọc cần người.

Từ nhà anh chị Hoàng Trung Nghĩa K26, (tôi sống chung với anh chị vào thời điểm ấy, tình bạn của Khóa 26 Bắc California đối với tôi như anh chị em ruột thịt) đến trung tâm C.C.O.C học, tôi dùng xe buýt chuyên chở công cộng, tuyến đường dài hơn một tiếng, cộng thêm thời gian đi bộ ra bến xe nữa là một tiếng rưỡi, đi về mất ba tiếng một ngày, cùng tám tiếng học trong trường, ngày của tôi thật ngắn, mùa đông đầu tiên trôi đi nhanh quá, tôi ôm quyển tự điển học đến một hai giờ sáng, có thì giờ rảnh cuối tuần là phải tập lái xe, các con đi học khổ đăng đi học, chồng tôi làm việc ban đêm, sáng về đến nhà thì tôi đã đi nên hai vợ chồng không có gặp mặt nhau để cãi...

Nhớ lại khi ấy, không ai hiểu điều tôi muốn nói, có cây bút và tờ giấy tôi ghi chữ xuống người ta hiểu ngay. Bạn bè người thân thuộc quen biết ai cũng bảo tôi phải vào học ESL trước, những lớp học dạy cho người ngoại quốc mới vào định cư tại Mỹ, tôi cũng có vào, nhưng học chán quá, đã nói tôi không thích học sinh ngữ Anh Văn lâu lắm rồi, nay gặp lại to be, to give, to free,... là mắt tôi nhắm tít lại.

Ngày đầu vào lớp, có 25 học sinh, gặp cô Linda Vidal, tôi chào tôi nói, cô nhìn tôi với đôi mắt tròn xoe, miệng mỉm cười, nhưng rồi cô cũng hiểu tôi vừa đến Mỹ ba tháng trước, từ một nơi cô thấy nhỏ xíu trên quả địa cầu to bằng trái banh để trong góc phòng, khi tôi quay vòng nó để chỉ cho cô xem. Ngày đầu ngồi trong lớp tôi có nghe, có thấy, nhưng hoàn toàn không hiểu gì hết, trong lòng tôi lo lắng không biết mình sẽ phải học như thế nào đây. Nhìn quanh là mắt xanh tóc vàng, thấy tóc đen đến làm quen lại là người Phi. Tuần sau đó có cô bé Việt Nam vào học, tôi mừng hơn bắt được vàng, em người Huế, nhỏ tuổi hơn tôi nhiều lắm, thế là có hai chị em với nhau. Em dựa hẳn vào tôi vì tôi lớn hơn "giỏi" hơn, giỏi vì tôi biết cách làm cho các bạn trong lớp không cười ồ lên nữa, khi tôi muốn hỏi cô Vidal điều tôi chưa hiểu

rõ, cách nhấn giọng lơ lớ, cách phát âm thiếu vắn cuối hẳn rất đáng để cười, chưa kể cách phát âm sai khiến chữ mình muốn nói trở thành nghĩa khác hẳn. Tôi về nhà, chuẩn bị tập đọc cho đúng một câu có ý thế này: "Đừng cười nhạo tôi, hãy dạy tôi nói cho đúng ngôn ngữ của bạn, tôi là người mới đến từ một nơi rất xa, phía bên kia quả địa cầu." Vào lớp, tôi xin cô Vidal cho tôi nói vài điều với các bạn, thế là tôi có hơn hai mươi thầy cô giáo dạy tôi sinh ngữ thực hành, tôi nói chữ nào sai các bạn bắt tôi nói cho đúng, hai chữ p - b khó nhất, tôi cũng tập xong, vắn cuối của chữ tôi cũng nhớ thờ nóra, vì người ta hiểu điều mình nói qua làn hơi thở cuối ấy. Các cô gái các chàng trai xinh đẹp tuổi chưa đến 18, học ít chơi nhiều, cuối tuần mãi mê nhảy nhót làm sao địch lại người phụ nữ tóc đen mắt nâu, cho dù nói tiếng anh còn ngọng nghịu nhưng lại có động lực phải xây dựng chiếc tổ mới cho các con. Sau hai tháng ngắn ngủi, tôi là học sinh xuất sắc, điểm 10/10 là thường vì tôi chịu khó học chịu khó viết. Các bài tôi viết được chồng tôi sửa chính tả, sửa câu văn giúp cho, ngày ở Việt Nam trước khi sang Mỹ, chồng con tha hồ học thi TOEFL, nên ai cũng giỏi hơn tôi. Cách học ở Mỹ khác hẳn lối học từ chương ở Việt Nam, cô giáo cho học sinh biết các mấu chốt của điều cần tìm hiểu, cần biết, sau đó học sinh phải viết bài nộp cho cô biết về điều mình hiểu, mình tìm tòi ra được. Học về răng, các từ ngữ chuyên môn không nhiều, khoảng vài ngàn từ gom hết lại cuối quyển sách, tên gọi xương gân, xoang, tôi tìm cách để nhớ hết, thực tập thì nghề thêu thùa may vá, đan lát giúp các ngón tay tôi khéo léo trong việc khắc sao cho giống chiếc răng khi trám tạm.

Tôi cố gắng hết sức để vượt qua khó khăn ngôn ngữ - và cũng để tri ân tất cả các ân nhân đã giúp cho tôi đi học, chính phủ mở trường, cô giáo ân cần tận tâm, cô luôn giúp tôi vào giờ nghỉ, tôi chỉ cần khoanh chỗ nào chưa hiểu hết, cô sẽ chỉ sách cho tôi đọc, cô luôn nhắc tôi phần nào ngày mai cô sẽ giảng để tôi đọc, ghi chú trước ở nhà, thời gian ngồi trên xe buýt cũng là thời gian cho tôi ôn lại bài học buổi tối. Cô

Elizabeth giúp tôi làm đơn xin học bổng, số tiền không nhiều, nhưng mỗi tháng tôi có vài trăm đồng để ăn vặt - để di chuyển, món tiền ấy được cho từ các vị hảo tâm đã từng học tại trường. Mỗi khi học xong một phần của chương trình, kết quả A tôi lại nhận thêm quà từ các vị hảo tâm khác, tôi không nhớ rõ ai vào ai, vì học đã khó nhớ tên và tiểu sử của từng nhân vật lại càng khó hơn, tôi chỉ biết nhủ lòng tri ân bằng cách đạt được điểm cao hơn, không phung phí những vật dụng thực tập, từ phim chụp XR đến tất cả các loại xi - măng, loại thuốc dùng để trám, để chữa tủy răng. Tôi nhớ hoài cô Vidal bảo các bạn học đến hỏi tôi khi có thắc mắc, cô gọi tên tôi Như Hoa thật nhẹ nhàng, tôi nhớ có lần trước khi về tôi chào cô " have a nice day" cô nhìn tôi bắt tôi lặp lại chữ nice với âm S ở cuối rồi nháy mắt: "Như Hoa quên âm cuối rồi!"...

Mỗi năm trôi đi, hình ảnh quá khứ trong tôi phai dần đi, hình ảnh hiện tại theo độ nhìn từ đôi mắt cồi cũng không còn rõ nét, tương lai tôi lại càng chẳng màng thắc mắc. Tôi biết nếu mình cố tìm hình ảnh cho tương lai của mình lúc này sẽ là tờ di chúc viết thế nào cho ngày cuối của đời mình, nhận hay không nhận vòng hoa người ta cũng cứ mang đến, bảo con làm thế này, chúng làm thế khác, thôi cũng đành "thúc thủ" chẳng còn làm gì được, nên trong giấc mơ của tôi cứ trộn lẫn quá khứ và hiện tại.

Và buổi sáng của tôi có ly cà phê nóng, những đóa hoa lung linh trước khung cửa sổ, tùy theo duyên để tôi còn gặp gỡ bạn bè, tùy theo thời để tôi loay hoay việc này việc nọ, bây giờ ư! Sau giấc ngủ, qua cơn mơ tôi yêu tôi biết bao, tay vẫn gõ đều trên phím, chân vẫn bước nhẹ nhàng, trí óc còn nhớ để gõ xuống bao điều trên màn hình vi tính, hẹn hò ngày mới bằng bài tập Yoga yên ả. Tôi yêu tất cả mọi điều chung quanh tôi, tôi yêu từng khuôn mặt tôi đã gặp, chỉ cần duyên đến để nắm được tay nhau.

Tháng 3 – 2016

Như Hoa Áu Tím

Biết Tìm Đâu



*Biết tìm đâu lời ru và tiếng hát
từng ngày êm giấc ngủ kín thương yêu,
tóc mẹ lênh-đênh, lúa đồng bát-ngát,
vòng tay ôm quăn-quít những buổi chiều !*

*Biết tìm đâu vãn ca dao bay bổng,
tiếng chim vui rộn rã nắng sân trường,
bước chân non trên tình xanh, ý sống,
quên lối về môi phượng đỏ ngùi thương !*

*Biết tìm đâu mộng hiền như lá cỏ
những hẹn hò vương vẫn trọn dòng thơ,
một buổi trăng về em nghiêng bóng nhỏ
chỗ ngồi kia bỗng lạnh khói sương mờ !*

*Biết tìm đâu mái tranh xưa vườn cũ
cùng loài chim quen hót những sớm mai,
thuở mẹ cha chung tay đời ấp ủ,
thuở em đi suốt tóc ngập bờ vai !*

*Biết tìm đâu chút tình người ấm áp
cho luân-hư từng giọt máu khô, hồng!
Bởi trái tim lâu rồi sai nhịp đập,
bởi vết thương se lạnh giữa lòng không !*

*Biết tìm đâu bạn bè thân đã mất,
kẻ biển xa, người tận núi rừng hoang !
Đây nghìn vạn nỗi sầu dâng cao ngất
nói làm chi địa-ngục với thiên-đàng !*

Võ Văn Lê, K25



Thân tặng: AET-VB/23 Nguyễn Đình Nhon. AET-VB/25: Phạm Đông An, Ngô Đức Khoa, Vũ Đức Thịnh. AET-VB/31: Trịnh Văn Chính, Nguyễn Xuân Quý.

Hoa Trạng Nguyễn K25/2

Cái rét lạnh làm người ta lười biếng... Nguyên không muốn ra khỏi chăn mền để mất đi cái ấm áp đang đầy ấp quanh mình. Trời mùa thu, gần 7 giờ sáng mà mặt trời vẫn chưa lên hẳn. Tiếng quét lá của ai bên nhà hàng xóm... xào xạt, xào xạt.

Ai mà siêng vậy nhỉ? À, không phải – hôm nay là thứ ba cả xóm phải chuẩn bị đưa thùng rác ra ngoài đường, ngày mai công ty đổ rác dọn dẹp theo thời khoá biểu. Một chốc nữa thì mình cũng phải quét lá trong sân sau, sân trước ... lá ơi là lá.

Cầm cái chổi tàu cau trong tay, Nguyên quét thật nhanh, để quên cái lạnh. Những động tác nhẹ nhàng thuần thục, Nguyên cho đó là thể dục buổi sáng để tạm quên những công việc nhiều khô mà nằng phải làm. Lá cây táo Fuji, cây táo lê

xỉn màu đen, lá của cây đào trắng ăn chua chua dòn dòn như trái cóc VN dưới gốc cây màu vàng đỏ. Lá vàng của cây pear thì cũng có màu nâu chocolate. Lá của cây cam và bưởi thì khô màu vàng trắng vẫn còn thoảng mùi hương. Nguyên quét lá vàng, quét hoài không sạch hết. Ngày xưa, thời con gái, có bao giờ Nguyên làm những công việc này đâu, mà Sài Gòn ít thấy mùa thu với lá vàng rơi, chỉ thấy lá vàng nhiều vào dịp trước tết... Con đường Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông, Gia Long, Duy Tân, Sương Nguyệt Ánh... nhiều lá me vàng. Thời học sinh, một lũ con gái áo dài trắng, đạp xe đạp chạy xuyên suốt những con đường lá me.



“ ... Mùa thu thừa nắng gió mang niềm nhớ! ... ”

Nhớ ai không biết? chỉ biết lòng xao xuyến, tự nhiên.

Mỗi cây, một màu lá chết, nhớ về nhật lá bàng của một nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn... Mỗi chiếc lá rụng là

một linh hồn riêng... Bước vài bước để ra sân trước, lá vàng của cây táo Tàu làm thuốc bắc rụng quá nhiều, sắc vẫn còn vàng mượt. Thật là khó khi quét loại lá này, quét gom một góc, gió lại thổi tung lên. Gió lại đến, lá cuốn theo gió, bay toán loạn, thật là hoài công! Tuổi già quét lá đau lưng, cố gắng làm mau, lại bị gió loạn này...

Quét lá, quét lá... Nguyên cứ nhớ thơ mơ trong đầu những bài thơ có những lá vàng rơi.... *“Trận lá thu phong rụng lá vàng. Lá rơi tường Bắc lá bay sang...”* (Tản Đà) *“Lá vàng rơi rắc lối thiên thai. Suối tiên, oanh đưa luống ngậm ngùi”* (Vãn Cao) *“Lá thu rơi xào xạt. Con nai vàng ngơ ngác. Đạp trên lá vàng khô”* (Luu.T. Lư)....

Không ai biết Nguyên đang nhớ cái thuở xa xưa nào, bao nhiêu mùa thu rồi nhỉ. Mau thật, ngày nào ở sân bay Tân Sơn Nhất... Vào mùa thu năm ấy, chỉ còn vài bước nữa là bước lên thêm của cửa máy bay, thì bị một “con bò vàng”* chặn lại tra hỏi giấy thông hành. Thật là vô có, ngu ngơ hết chỗ nói vì gia đình Nguyên đã qua hết tám cửa ải. Chắc là muốn làm “thủ tục đầu tiên” đây... “Bò vàng” với đôi mắt cú vọ nhìn chăm chăm vào sổ xuất cảnh và các có hỏi:

- *Thằng nhỏ bé trên tay sinh ngày mấy, tháng mấy ?*

Thấy chồng ngập ngừng, Nguyên vội trả lời đúng như trong sổ thông hành, thế là “bò vàng” cứng họng. Vào giây phút này, hành khách sau lưng gia đình Nguyên dồn đông, chật lối vào thêm máy bay....Đành thôi, “đầy tớ của dân” không còn phút giây nào để thực hiện “thủ tục đầu tiên”, chắc là âm ức lắm. Mới ngày nào làm giấy nhập cảnh vào nước Mỹ ở phi trường San Francisco, thế mà đã 25 năm rồi. Nguyên nhớ rõ chuyến bay của gia đình Nguyên vào ngày 15 tháng 11, vì sau chuyến bay này các chuyến bay trong chương trình đi

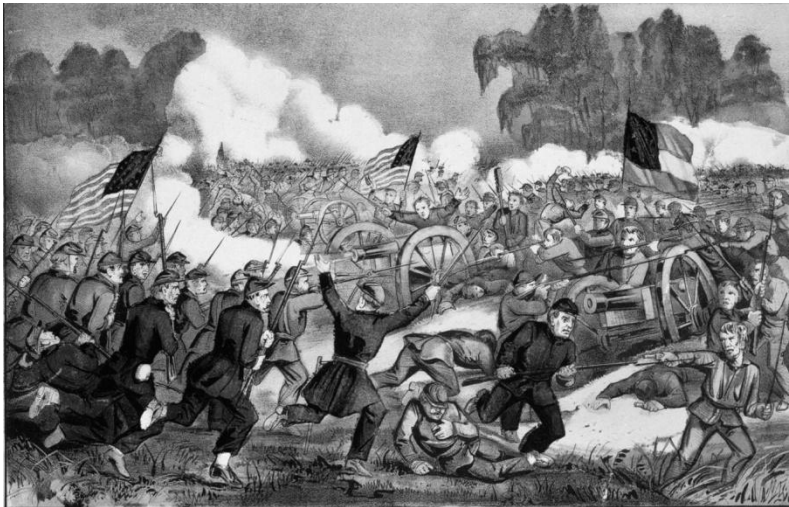
dân tị nạn chính trị diện H.O tạm ngưng, với lý do bầu cử tổng thống. Năm ấy tổng thống Bill Clinton đắc cử. Dân tị nạn chính trị chúng tôi may mắn đi tản bằng đường hàng không, được những người bạn thân thiết cũng là dân Võ Bị gốc Thiếu Sinh Quân là anh Nhơn/23, anh An, anh Thịnh/25, anh Quý, anh Chính/31 (những thuyền nhân) tiếp đón long trọng bằng 2 xe hơi. Trời tháng 11, mới 5 giờ chiều mà thấy tối thui, qua ánh sáng đèn đường, Nguyên vẫn còn thấy những hình ảnh của đêm Halloween còn sót lại ... nào mạng nhện, nào ghế tre chễm chệ những hình nhân bằng vải ngồi ngấm trời thu lạnh, đầu đó vài bộ xương trắng hếu vẽ trên bộ áo choàng đen còn lơ lửng trên cây, lác lác trước gió. Về đến chung cư ở Santa Clara, anh chị Khoa cùng khóa 25 VB, đãi cho chúng tôi phở gà với rau quế Mỹ. Đó là những hương vị lạ lẫm và hôm nay những mùi vị này đã trở nên quen thuộc với gia đình Nguyên mà hình như mùi vị này còn đậm đà hơn mùi vị húng quế ở quê nhà. Hai mươi lăm mùa thu đi qua trên xứ người, nhớ Sài Gòn lãng đãng mỗi khi xuân về. Hai mươi lăm năm, một phần tư thế kỷ, thẳng con khóc thét rồi nghiêng cổ ngủ say trên car seat trong ngày đầu đến Mỹ trên xe của các chú bác, giờ đã trưởng thành. Mùa thu nào ở San Jose cũng có mưa phùn, gió nhẹ. Nguyên cũng đã phải sắm cho con những bộ đồ cho lễ hội rồi dẫn chúng đi xin kẹo... Nhớ khi xong một buổi tối Halloween thì chúng đổ thùng kẹo ra mà mân mê đếm.Hai mươi lăm năm sau thì con trai Nguyên lại thích mua kẹo để cho trẻ ngoài đường. Đúng là cái vòng xoay của nhân thế. Đi tị nạn chính trị bằng đường hàng không, chắc chắn là con đường may mắn nhất của những người lính Việt Nam Cộng Hoà, sau những ngày tháng dài lao tù nhục nhằn khổ ải trong địa ngục trần gian cộng sản Việt Nam. Tội cho những người lính đã chết trong ngục tù này, những cái chết oan khiên, mắt không

nhắm, phần hồn vẫn còn khao khát sự sống, họ chết như một nghiệp chướng từ kiếp trước, xác chỉ quần bằng manh chiếu rách hay chỉ là một cái xác vất ngay xuống hố, lấp đất qua loa. Thương thay những thuyền nhân khốn khổ, không may mắn họ làm mồi cho cá, thầy trôi dạt vào bến bờ nào...? và còn khốn nạn hơn khi họ gặp cướp biển tra tấn và nhất là những thiếu nữ bị hải tặc bắt đi biệt tằm, biệt tích. Lịch sử Việt Nam có một vết nhơ không xoá nổi, nội chiến Bắc Nam (1954- 1975) miền Nam Việt Nam bị bức tử, người miền Nam tan tác tứ phương, xã hội miền Nam bị suy đồi, tuột dốc vì “nền văn minh XHCN” và đất nước Việt Nam cũng không còn toàn vẹn như xưa, một phần đất liền, biển đảo đã vào tay Đại Hán. Mẹ Việt Nam có thâu cho nỗi đau này của thế hệ chúng con?

Mùa thu lá rụng, nhưng cũng bắt đầu cho sự hồi sinh, những mầm lá non sẽ nhú mầm trong mùa xuân mới. Gia đình Nguyên cũng như những gia đình quân nhân tù tội khác, khi được định cư sang vùng đất tự do theo chương trình H.O. cũng để bắt đầu một cuộc sống mới. (H.O từ chữ viết tắt của Humanitarian Operation). Giờ đây trên vùng đất của nữ thần tự do, họ như những con chim xỏ lồng, ngẩng mặt cao, hít cho đầy lồng phổi cái không khí tự do của đất nước này...

Mấy chục năm trước, hồi đó, Nguyên không biết từ Mỹ, chỉ biết nước Hoa Kỳ qua tạp chí Thế Giới Tự Do, một tạp chí mà tờ giấy nào cũng đẹp, cũng thơm...Hình ảnh nữ thần Tự do dương cao ánh đuốc trên cảng New York, Cầu Golden Gate ở San Francisco, cái cầu vàng kỳ quan thế giới. Gương mặt của các vị tổng thống được khắc trên núi đá cẩm thạch trắng Rushmore - South Dakota chói chang trong nắng. Thác Niagara nước chảy trắng xoá...Nguyên cũng thích ăn miếng bánh mì lúa mạch nguyên chất mềm, thơm có kẹp miếng

pomai vàng như miếng xà bông , mùi vị đấng đấng hơn pomai đầu bò Pháp. Bánh mì này của Hoa kỳ viện trợ, phát free cho học sinh tiểu học trước giờ ra chơi. Đói bụng ăn ngon tuyệt. Hoa Kỳ còn có những anh cao bồi chẵn bò mã thượng, bắn súng như ảo thuật, lùa một đàn bò mấy ngàn con trên đồng cỏ bao la, bằng một vòng phi ngựa, ném dây và điều khiển bò chỉ trong mấy phút ngoạn mục, Hoa Kỳ có phi thuyền không gian bay tuốt trên mặt trăng của chị Hằng. Hoa Kỳ cũng có những phụ nữ quán xuyến tốt việc nhà, ngoại giao cũng có tiếng... họ nướng bánh mì, quơ củi, may quần áo, váy xoè, khiêu vũ, lái xe máy cày, máy bay, phi ngựa... tất cả đều nhanh nhẹn phi thường. Hoa Kỳ có nội chiến Nam- Bắc, có chân dung tiểu thư Scarlett theo chiều gió cuốn hỗn loạn của chiến tranh để sống, nhưng quyết tâm quật cường. Nàng quý tộc Melanie dịu dàng, chân thành và cảm hoá được lòng người nhưng không bao giờ bị gió cuốn đi. Nội chiến Nam - Bắc đã để lại một dấu ấn vô cùng quan trọng trong lịch sử Mỹ đó là sự thống nhất đất nước, xoá bỏ chế độ nô lệ, thả hết tù binh miền Nam, họ được tự do trở về với gia đình. Không như nội chiến Nam-Bắc Việt Nam,



chấm dứt chiến tranh, hận thù vẫn còn dai dẳng, không biết đến bao giờ mới chấm dứt?! Hoa Kỳ, cường quốc số 1, cũng bị trận không kích bất ngờ của Nhật ở Trân Châu Cảng – Hawaii, mất đi nhiều chiến sĩ trẻ anh hùng, làm dang dở bao cuộc tình của những người lính thời chinh chiến... chạnh lòng người ở lại ngậm ngùi qua chuyện tình buồn tay ba của hai chàng phi công trẻ Danny -Rafe – Evelyn. Hoa kỳ cũng là nước góp phần chính để kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ 2, sau khi thả hai trái bom nguyên tử xuống hai đảo Hiroshima và Nagasaki của Nhật. Hoa Kỳ cũng có nghĩa trang Punchbowl-Hawaii, Arlington-DC. nơi rất tôn nghiêm, được chính phủ chăm lo, bảo quản, không như nghĩa trang Quân Đội Biên Hoà bị bên tự nhận là “kẻ thắng cuộc” đào phá, bán đất, hoang phế, lạnh lẽo ... Không bao giờ quên Mỹ đã bỏ rơi đồng minh nhỏ bé Việt Nam vì những toan tính trong bàn cờ quốc tế và lợi ích riêng của Hoa Kỳ,...nhưng ít nhất họ cũng đã làm được một chút gì gọi là còn chút tình



người khi mở ra chương tình định cư cho những cựu tù nhân chính trị, đó là những gia đình H.O như gia đình Nguyễn. Những gia đình trong diện H.O đã được cứu từ vực sâu “quỷ đỏ” sang vùng đất hứa. Xin chân thành cảm ơn tấm lòng nhân hậu của nhân dân Mỹ, của tổng thống Ronald

Reagan hào hiệp đã vận động quốc hội Mỹ ban hành chương

trình tái định cư cho những cựu tù nhân ở các “trại cải tạo” tại VN . Cảm ơn bà Khúc Minh Thơ đã thấu hiểu nỗi khổ nhục của những người tù quân nhân miền Nam vô tội. Cảm ơn bà Khúc Minh Thơ đã thấu hiểu nỗi khổ nhục của những người tù quân nhân miền Nam vô tội. Cảm ơn bà Khúc Minh Thơ với tấm lòng đầy tình nghĩa đồng bào, như bà đã tâm sự “...*Những người tù nhân chính trị phải được hưởng tự do và con của họ phải có đời sống tốt hơn trên đất nước Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.*”

Hai mươi lăm năm trên đất Mỹ, Nguyên không thể nào phủ nhận cái ưu ái của Mỹ quốc đã dành cho gia đình nàng. Những ngày đầu còn là mù Hai Luá trên xứ lạ, ngại ngần đứng xếp hàng lãnh food stamps để mua sữa cho con thơ, mua thức ăn hằng ngày... trang trải tiền nhà và mọi chi phí cho gia đình, cố gắng đi học ở college để an cư. Ngày tuyên thệ trở thành công dân Hoa Kỳ, lòng Nguyên có chút gì ngượng ngịu -đắn đo giữ đúng tên nguyên thủy trong khai sinh, Nguyên là người VN mà!... Thôi thì cứ là người Mỹ gốc Việt, dù sao... từ đây đến chết thì Nguyên vẫn ở trên đất Mỹ này... Cứ nhận nơi đây làm quê hương thứ hai, cứ tận hưởng những phúc lợi như những người dân bản xứ... tự nhiên, như một hồng ân, may mắn từ trời cao ban xuống!

Tháng 11, trời cuối thu, lá vàng rơi tro nhánh...”*mím môi cười mà nhớ thương khôn nguôi*”... Quét lá, quét lá...xào xạt, xào xạt.. Sắp đến mùa Thanksgiving...mùa Tạ Ôn... Xin cảm ơn trời đất, cảm ơn đời, cảm ơn người... đã ban yên lành cho những kẻ tha hương được bình an trong cuộc đời tị nạn lưu vong...

Hoa Trạng Nguyên K25/2

Văn Chương

miền Nam miền Bắc thời chiến

Trần Hoài Thu

Ở một nơi văn chương không có chỗ dung thân



Trước 1975, trong số những chiến lợi phẩm mà những người lính thám kích Sư đoàn 22 BB chúng tôi tịch thu được trong những lần đột kích vào mật khu, sách báo miền Bắc là niềm mong muốn hàng đầu của cá nhân tôi. Tôi muốn tìm hiểu về văn chương ở bên kia bờ Bến Hải, nhà văn nhà thơ họ viết như thế nào. Một tờ báo mà tôi còn nhớ

mãi là tờ Quyết Thắng nằm giữa bệ bộn những chần mản, sổ tay, đạn dược và cả binh thuốc lảo dưới một hang đá của một ngọn đồi ở Bình Định. Có cả một bài thơ viết trong sổ tay, tấm hình người con gái tóc bết thành hai con rít... Tôi cũng

nhận ra gói cơm khô cứng, chứng tỏ lâu ngày người lính
miền Bắc này
không có dịp ăn cơm nóng...

Cảnh tượng này khiến tôi xúc động và sau đó, tôi đã làm bài
thơ như sau:

*Xin cô hàng thêm một kết bia
Cơm nay lãnh lương tôi dành đãi hết
Ở hàng ơi, một mai tôi chết
Ai tiêu giùm, bù tháng tiền lương
Cơm qua tôi dùng chờ Bông Vỡn
Mẹ thường bực ốm tôi mà khóc
Tôi nói làm sao qua giọng nước mắt
Thị trấn này vừa mất tháng con
Tôi quá buồn ra đứng bờ sông
Bông Lại Giang rắng chiều đỏ sẫm
Nhớ nó ngã nhào trên bờ đá xám
Thấy cả ngọn đồi những xác Bắc Nam
Ở hàng ơi cho một ly khếong
Tôi rót mời một người lính Bắc
Hắn nằm bành thây dưới hầm bí mật
Trên người vẫn còn sót lại bài thơ
Trên đồi cao, mây vẫn xanh lơ
Ở cơn bướm vàng diu dàng dưới nắng
Tôi với hắn, đâu có gì thống hận
Bài thơ nào cũng viết để yêu em*

*Ám cô hàng thêm một chút từ tâm
Tôi quen đập đầu mỗi khi say rượu
Đừng sợ cô em, những thường đánh giặc
Nhưng Diệu Hào nhưng thật yếu mềm
Em có đôi hàng lông mi thật đen
Tôi bỗng nhớ người tôi yêu, quá đời
Đôi mắt nàng cả một trời vô tội
Sao lòng nàng lại tàn nhẫn vô tâm
Khi tôi buồn tôi nói trăm năm
Có nghĩa là tôi vẫn còn muốn sống
Đừng nhấc còng tôi người yêu tôi khờ
Xóa tôi lại sâu, mưa hết mặt xanh..*

Thằng bạn trong bài thơ là thiếu úy Ch., trung đội trưởng trung đội 4. Hấn chết hai lần. Lần thứ nhất bị trúng đạn của Bắc quân. Và lần thứ hai bởi bom lửa khi đơn vị bị tràn ngập, không còn cách nào trừ cách chết chung. Tôi may mắn thoát khỏi cuộc phục kích vì địch đội trung đội tôi qua rồi đánh vào bộ chỉ huy đại đội mà trung đội 4 có bốn phận bảo vệ.

Bom lửa đã làm da rám lại, tóc quăn và mùi khét nồng nặc. Nhìn những xác chết cháy sạm thật không thể nào phân biệt được ai là “Bộ đội” ai là lính Cộng Hòa. Chỉ có ông đại úy Mỹ thì dễ, vì xác ông to lớn.

Bài thơ trên sổ tay của người lính Bắc là bài thơ tình, không mang chút gì của những mỹ từ nhân danh, không mang hơi hướm của loại thơ “chông Mỹ cứu nước”. Đó là tiếng lòng chân thật nhất, để có thể bay ra khỏi vùng đen tối ảm đạm và vượt mây, vượt bão, vượt bom, vượt đạn để thấp lên tình yêu

của một người dành cho một người. Ngược lại những bài thơ bài vãn trên tờ báo Quyết Thắng thì lại khác: *Chỉ xúi, chỉ hô hào, chỉ bơm cảm thù, chỉ mang lưỡi lê vào trong thơ vãn...* Bài thơ của người lính Bắc hay lắm. Tôi nghĩ nếu hấn sinh ở miền Nam thì chắc hẳn sẽ là một thi sĩ nổi tiếng, một tên tuổi được biết đến.

Sau này, trong một bài đăng về cuộc thảo luận bàn tròn về văn chương trong thời “chông Mỹ” gồm những thảo luận viên như Trần Đăng Khoa, Lê Minh Khuê, Nguyễn văn Thọ, Lê Thanh Nghị v.v... mà tôi đọc được trên NET, hầu hết những người thảo luận đều cho là “nền văn học thời chiến tranh miền Bắc là thời rục rờ, và cần thiết”.

Đây là ý kiến của nhà văn Nguyễn văn Thọ. Ông xem thơ vãn thời đó làm thi vị hóa chiến tranh, mang lửa vào trái tim người lính:

Cái thời ấy, chúng ta cần có văn học phục vụ chính trị động viên bộ đội ra trận, trong đó có tôi cảm sung. Tất nhiên, không có ai viết bịa ra, người ta vẫn viết thật, nhưng chỉ là một mặt sự thật của đời sống, mà chưa nhìn thấy mặt thứ hai là thân phận con người trong chiến tranh, chúng ta chưa bao quát hết hiện thực. Thời ấy, văn thơ thi vị đời sống chiến tranh.

Còn ý kiến của nhà thơ Trần Đăng Khoa về thơ thời chiến miền Bắc là loại thơ có “những chi tiết của báo chí”. Bởi vì nó rất thật:

Vì thật nên rất hấp dẫn. Bởi những điều đó, người lính không nói ra thì người đọc không biết.”

Ông đã đưa ra những đoạn thơ sau đây để chứng minh:

Tiếng anh khẩu đội trường ở đầu

Đây là đười khấu pháo... ”

"Đồng chí lái chính hơi trẻ
Đồng chí lái phụ hơi già
Điều đó không quan trọng lắm..."

"Đạn một trăm linh năm mi-li-mét xếp ngang
Đạn cao xạ một trăm xếp dọc
Chúng bắn tủa để riêng một góc
Aép ra ngoài hòm thuốc nổ, chuyển ngay..."

(thơ Phạm Tiến Duật)

hay :

"Đáo thủ lái xe
Ngày hao bư cầm mốt"

"Mỗi quyển sách nặng bằng năm viên đạn
Chúng tôi dành mang đạn trước tiên."

(thơ Hữu Thịnh)

Một câu hỏi là sau khi chiến tranh chấm dứt, những tác giả có bằng lòng với những sáng tác mà họ cho "là rục rở là cần thiết" của một thời "chông Mỹ cứu nước" ấy hay không ?

Không khẳng định là không, tuy nhiên nhà thơ Trần Đăng Khoa đã mang một bài thơ bị bỏ quên của Phạm Tiến Duật ra để làm câu trả lời. Bài thơ không phải để ca ngợi "bộ đội bác Hồ" nhưng để nói lên nước mắt của một người con gái 37 tuổi:

Thời chiến, nói đến Phạm Tiến Duật là người ta nhắc đến Lửa đèn, Nhớ, Gửi em cô thanh niên xung phong. Nó tạo được một ấn tượng đặc sắc. Bây giờ đọc lại Phạm Tiến Duật, tôi lại bị ám ảnh bởi Khoảng tối trong rừng, viết về một cô nuôi quân trong rừng Trường Sơn, đặc biệt, là Cô bộ đội ấy đã “đi” rồi. Một cô gái đã “37 tuổi chồng con thì chưa nói”, bây giờ lại đến chia tay các anh để chuyển đơn vị vào vùng rừng sâu hơn, khóc liệt hơn: “Thôi em đừng bẻ đốt ngón tay – Nước mắt dễ lây mà rừng thì lặng quá”. Trong những năm chiến tranh, không một nhà phê bình nào để mắt đến những bài thơ này. Bây giờ bình tĩnh đọc lại, chính những bài thơ này mới không thấy cũ, nó vẫn “cửa” được vào lòng người đọc, dựng lên số phận của cả một thế hệ, những người đi qua chiến tranh. Và rồi cùng với họ, ta thấy được cả một thời đại...

Và nhà văn Lê Minh Khuê thì công nhận những sáng tác của mình thời ấy không nhận ra những góc đau khổ. Nhà văn cảm thấy “có tội”:

Những tác phẩm có đề tài chiến tranh mình viết trước kia bây giờ nhắc lại thấy ngại. Viết dở quá. Thế thôi. Không muốn đọc lại. Nó là văn chương của cái thời mình nhìn ở phía đẹp đẽ của chiến tranh. Có lúc đẹp thật nhưng so với những góc đau khổ của nó mình thấy có tội. Nhưng nó cũng là văn học thời chiến – như Trần Đăng Khoa nói – có lẽ nó cần vào lúc ấy.

(Nhà văn Lê Minh Khuê)

Qua những ý kiến trên, ngoại trừ ý kiến của nhà văn Nguyễn văn Thọ, còn lại đều nói về sự biệt tích của hai chữ “luong tâm” “tình cảm cá nhân” vào các sáng tác về chiến tranh. Sự kiện này khiến các sáng tác chẳng mang vết cửa gì trong lòng người đọc về sau này.

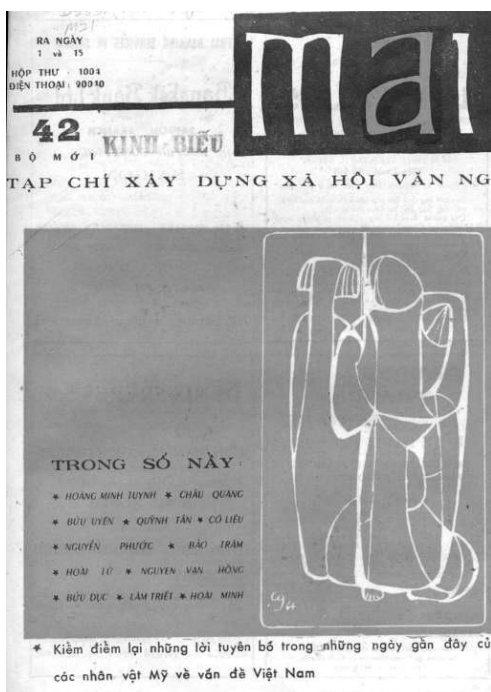
Ý niệm về giá trị văn chương

Từ Văn chương miền Nam...

Ý niệm về giá trị văn chương được chứng tỏ bằng sự lâu dài của nó trong văn học. Miền Bắc, vẫn có bảo tàng viện chiến tranh, thư viện, sách báo không bị đốt vậ mà thử hỏi có bao nhiêu cuốn sách được tái bản hay được nhắc nhở sau này?

Làm sao những tác giả miền Bắc trong thời “chống Mỹ cứu nước” có được cảnh này:

Qua bao nhiêu đổi thay của con người và đất nước! Hơn 30 năm sau, tôi nghĩ đến việc đi tìm lại những bài viết cũ của mình. Năm 2005, tôi rủ bạn tôi, anh Nguyễn Minh, cùng vào Thư viện Quốc gia (nay là Thư viện Tổng hợp?). Tại đây, gần cả một ngày, chúng tôi được nhân viên đem ra từng xe đẩy các tạp chí Bách Khoa, Thời Nay, Phổ Thông..., tha hồ mà tra cứu; nhưng tuyệt nhiên không có MAI! Chúng tôi vừa



tìm bài, vừa photocopy thơ, truyện ngắn trên Bách Khoa của tôi, của Doãn Dân, của Trần Hoài Thư.

Tôi tìm hỏi nhân viên thư viện, sao không thấy có tạp chí MAI trong danh mục, thì được trả lời, MAI nằm trong số sách báo không được phổ biến. (Có nghĩa là bị xếp vào loại “văn hóa phẩm phản động đòi trục”.) Tôi nói tôi chỉ cần tìm xem một

số đề bài trong tạp chí này thôi. Tôi được giới thiệu vào phòng riêng và người giữ tủ sách này mang ra cho tôi lần lượt từng chồng báo MAI. Có thể không đủ số, nhưng tôi cũng kịp đọc những trang báo của một thời tự do, tươi đẹp. Nhân viên bảo tôi xem rồi trả lại tại chỗ, cầm copy.

Tôi lướt thấy những tùy bút, tạp văn của mình. (Xin ghi ra, để bạn đọc nào còn giữ được các số báo có bài này, cho phép tôi được liên lạc):

-MAI số 33 (10-11-1961): Khoảng trống của đời người.

-MAI số 43 (10-04-1962): Từ một cái chết.

-MAI số 6 (Bộ mới, 25-09-1962): Tên những loài hoa không tên.

-MAI số 8 (Bộ mới, 25-10-1962): Những bàn tay làm kỷ niệm.

(Lữ Quỳnh: T Q B T Số Chủ Đề Bán Nguyệt San MAI, Làm Nhớ Lại...)

hay:

Trong cõi lặng yên đầy cảm động, tôi đọc lại từng bài của mình và của bằng hữu cũ. Những chữ nghĩa của một thời. Những thiết thân không rời, mà mình đã vô tình ruồng bỏ. Quả tội nghiệp cho những đứa con tinh thần của tôi. Bấy lâu chúng sống hẩm hiu, nương nhờ vào lòng thương yêu của dân tộc người, thế mà tôi lại không biết. Tim tôi phải òa vỡ những niềm cảm tạ.

Trang sách cũ. Một thời nào yêu dấu được mang đi qua từng hàng từng chữ. Tôi đang nhìn lại thời ấy, và đang đọc lại thời ấy. Cái thời mà văn chương nâng tôi đi, trong khi chiến tranh, cái chết kéo nặng tôi xuống. Cái thời mà chỉ nghe đến tên mà bạn bè ngỡ như thân thiết lắm. Cái thời viết có người đọc, có niềm vui và an ủi. Cái thời trang bản thảo nhòa nhạt bởi mồ hôi và mưa, và cả lệ máu. Cái thời mà mỗi đầu tháng, là mỗi lần gặp lại nổi nôn nao khi thấy những giòng, những hàng chữ của mình in trên trang giấy và bay đến mọi người hay nổi háo hức nhận một tạp chí từ Saigon theo trục thẳng ra tiền đồn, hay mặt trận còn nóng

hỏi. Cái thời tác giả và độc giả nương tựa thủy chung. Cái thời người viết phải viết trong hầm, trong poncho trùm kín, dưới ánh đèn pin quân đội. Cái thời mỗi bản thảo gửi về xem như một chúc thư. Cả thế giới này, cả quả địa cầu này, cả ngàn năm tra vấn có nơi nào như ở đây, có cây bút nào, vừa đi đánh giặc lại vừa viết văn làm thơ như chúng tôi?

Như vậy, cuối cùng, là những trang bản thảo buồn đến chảy nước mắt này. Chúng may mắn được nương tựa nơi xír người. Cũng như tôi, may mắn có mặt để có ngày tìm lại những đứa con bị thất tán. Còn những người không được may mắn thì sao? Trời ơi, cả một thế hệ chưa đến độ phải quá trăm năm để trở thành hồn ma, mà sao bây giờ như thế hồn ma xiêu lạc. Nặng tàn ngoài cửa sổ. Những cột không lồ vươn lên cao như kiến trúc La Hy, và những dãy bàn dãy ghế bằng gỗ quý, bóng nâu. Sách vở ngũ. Hay sách vở thức? Văn, Bách Khoa, Văn Học, Khởi Hành, Thời Tập, Trình Bày, Vấn Đề, Tiền Phong... Chỉ một đêm, hai đêm, một tuần, hai tuần, là ngọn lửa bốc lên. Khắp nơi. Khắp chốn. Từ đầu đường, xó chợ. Từ trường học đến phường khóm. Và, khi biết thì quá muộn. Lửa đã thiêu rụi rồi. Vô ích.

(Trần Hoài Thư – Trang sách cũ)

Không phải những sáng tác thời chiến của miền Nam chúng tôi đều có giá trị về sự già dặn của văn chương, nhưng chắc chắn là chúng có giá trị về sự thật, về tâm tư của tuổi trẻ chúng tôi trong chiến tranh: Không lừa mị, không bị một ai có quyền chi phối, không phải là một công cụ của chế độ: ...văn chương bấy giờ là văn chương của lửa, lệ, và những gào thét, tra vấn, tử sinh. Văn chương bấy giờ là những ngày đêm trong lòng hỏa ngục, là những vết thương toé máu đờn đau, là tiếng kêu trầm thống của một thế hệ mà, nói theo ý Tolstoy, chỉ những ông già bụng phệ ký giấy tuyên chiến, còn phần chết thì dành cho bọn thanh niên. Nó là văn chương mà yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét, chứ không phải từ cửa miệng đầu môi của những lãnh tụ, hay từ những môi miệng tuyên truyền tâm lý chiến. Đó là văn chương đích thật, bởi vì từng hơi thở, từng giọt lệ, từng cay đắng, thù hận,

từng nổi buồn rầu già trước tuổi đã cấy đã hẳn theo từng chữ. Chúng tôi tự hào đã nói tất cả những gì chúng tôi muốn nói, muốn nghĩ, muốn tra vấn. Chúng tôi đã tạo nên những trận sấm sét phá sập nền văn chương thập ngà. Chất liệu văn chương của chúng tôi không phải là từ đơn đặt hàng của chế độ, hay những món hàng làm dáng du nhập từ ngoại quốc mà là sự thật bằng trái phá, bằng mồ mả oan khiên, bằng những người như chúng tôi bị nướng thiêu trong lò lửa chiến tranh.

(Trần Hoài Thư: Trang sách cũ)

...Đến văn chương miền Bắc...

Còn những sáng tác của miền Bắc mà các thảo luận viên cho là phải cần cho cuộc chiến thắng của họ, thì sao? Chúng có khắc sâu vào tâm não của tác giả hay người đọc sau này hay không? Hay là:

...Viết dở quá. Thế thôi. Không muốn đọc lại. Nó là văn chương của cái thời mình nhìn ở phía đẹp đẽ của chiến tranh. Có lúc đẹp thật nhưng so với những góc đau khổ của nó mình thấy có tội. (Lê Minh Khuê).

Làm sao có thể đọc được hay tìm thấy một điều hữu ích hay cảm thông cùng văn chương khi mà những tiếng đau, tiếng cười, kỷ niệm, ước mơ bị giết! Giết cái cánh sắp bay, giết cả mặt trời trên biển. Giết cỏ mọc trong mưa...! Như vậy còn gì là văn chương nữa, hở Trời!

*Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đau? Một nửa
Cái cần viết vào thơ, tôi đã giết đi rồi!
Giết một tiếng đau, giết một tiếng cười,
Giết một kỷ niệm, giết một ước mơ,*

*Tôi giết cái cánh sắp bay... trước khi tôi viết
Tôi giết bão táp ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời trên biển,
Giết mưa và giết cả cỏ mọc trong mưa luôn thế
Thơ nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thời, không có thịt của mình.
(Chế Lan Viên - Trừ đi)*

Làm sao mà tin cậy vào văn chương khi nó giống như màu da con kỳ đà thay đổi tùy theo thời tiết hay hoàn cảnh, thời thế ?.

Ví dụ Phạm Tiến Duật năm 1969: *Đường ra trận mùa này đẹp lắm*, thì cuối năm 1974 lại nhìn con đường ra trận bằng những vòng tang chế, xương cốt ngập đầy:

*... Xương bom lên trời thành một vòng đen
Trên mặt đất hiện bao nhiêu vòng trắng*

.....

*Ớ mắt mắt nào lớn bằng cái chết
Xương tang vòng tròn như một số Không
(Phạm Tiến Duật - Vòng Trắng)*

ĐỂ rồi sau đó nhà thơ bị kiểm điểm, bị phê bình, và bây giờ bài thơ trở thành một “tai nạn” văn học!

Vậy thì giá trị lâu dài của văn chương ở chỗ nào chứ?
Ở chỗ mang lưỡi lê hay ở chỗ mang lương tâm vào trái tim?

Cuối tháng 3-2016
Trần Hoài Thư